

Bản án số: **09/2022/HNGĐ-ST**  
Ngày 28 - 01 - 2022  
V/v tranh chấp về hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI - TỈNH QUẢNG NINH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà **Dương Thị Thu Hà**

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông **Nguyễn Thế Căn** và bà **Đinh Thanh Hoàn**

*- Thư ký phiên tòa:* bà **Đặng Thu Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái tham gia phiên tòa:* ông **Vương Hải Nam** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021 về “tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị **Phạm Thị H**, sinh năm: 1996; nơi thường trú: thôn 5, xã Qu, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ở hiện nay: thôn 4, xã Quảng Minh, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Bị đơn: anh **Đỗ Văn Th**, sinh năm: 1985; nơi cư trú: thôn 5, xã Qu, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm thể hiện tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 25/01/2022 của nguyên đơn chị Phạm Thị H thể hiện:

- Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Đỗ Văn Th có thời gian tìm hiểu nhau từ năm 2011 đến năm 2013 thì quyết định tiến đến hôn nhân. Chị và anh Th đăng ký kết hôn ngày 27/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Qu, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (Giấy chứng nhận kết hôn số 25). Việc chị và anh Th chung sống, đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống, chị và anh Th có cuộc sống gia đình

không mấy hòa thuận, do tính cách của mỗi người khác nhau, anh Th đã nhiều lần đánh đập, xúc phạm chị và cư xử thiếu văn hóa với chị. Chị và anh Th đã chính thức ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Chị và anh Th đã nhiều lần nói chuyện, tìm cách khắc phục, hai bên gia đình nội, ngoại cũng nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Tự thấy mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được nên chị đã quyết định ly hôn để ổn định cuộc sống. Do đó, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Đỗ Văn Th được ly hôn.

- Về con chung: chị và anh Đỗ Văn Th có 02 con chung là Đỗ Uyên N sinh ngày 07/12/2013 và Đỗ Hoàng Ch sinh ngày 13/7/2015, chị đề nghị được nuôi con gái là Đỗ Uyên N còn anh Th nuôi con Đỗ Hoàng Ch đến tuổi thành niên.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị H trình bày không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về khoản nợ chung: Chị H trình bày không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết cho anh Đỗ Văn Th. Các văn bản tố tụng trên đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về giao nhận văn bản. Qua việc tổng đạt các văn bản tố tụng được biết anh Th hiện vẫn đang sinh sống tại thôn 5, xã Qu, thành phố M, khi giao nhận văn bản anh Th vẫn nhận, vẫn biết nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Th không thực hiện.

Ngày 25/01/2022, anh Đỗ Văn Th gửi Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, lập ngày 12/01/2022 trong đó nêu thời gian ly thân phù hợp với nội dung chị H trình bày cũng như đồng ý ly hôn; anh Th cũng đề nghị được nuôi con trai và đề nghị chị H nuôi con gái; anh Th không đề cập đến tài sản chung và khoản nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án chị H đã cung cấp các chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Sổ hộ khẩu (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân (02 bản sao); Giấy khai sinh (02 bản sao); Vận đơn bưu gửi (bản chính); Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án (bản chính).

Chứng cứ do Tòa án thu thập là: Biên bản xác minh tại nhà văn hóa thôn 5, xã Qu, thành phố M; Biên bản làm việc về việc vắng mặt bị đơn không tham gia tố tụng;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật;

+ Về tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn được đảm bảo và nghiêm chỉnh chấp hành quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); bị đơn là anh Đỗ Văn Th được đảm bảo các quyền và nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật theo Điều 70, 72 BLTTDS. Tuy nhiên, anh Th không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

- Về đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

+ Về tình cảm: xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn Th.

+ Về con chung: giao con chung Đỗ Uyên N sinh ngày 07/12/2013 cho chị Phạm Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao con chung Đỗ Hoàng Ch sinh ngày 13/7/2015 cho anh Đỗ Văn Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về khoản nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và căn cứ vào kết quả tranh tụng, hỏi tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Phạm Thị H và anh Đỗ Văn Th là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị H có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Th nên thuộc trường hợp “tranh chấp về hôn nhân và gia đình”; bị đơn anh Đỗ Văn Th hiện đang sinh sống tại thôn 5, xã Qu, thành phố M theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

- Về thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, khi thực hiện tổng đạt bị đơn luôn từ chối nhận văn bản; Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn, bị đơn đã nhận được nhưng không có ý kiến. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của BLTTDS. Nguyên đơn đã được tiếp cận các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại biên

bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái; nguyên đơn đã thực hiện việc gửi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho bị đơn thể hiện tại phiếu gửi ngày 01/11/2021.

- Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Tòa án đã tiến hành triệu tập 02 lần đối với anh Đỗ Văn Th và thực hiện giao gửi nhiều lần văn bản đối với anh Th, nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: hôn nhân của chị Phạm Thị H và anh Đỗ Văn Th là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có sự quan tâm, chăm sóc chia sẻ, thiếu sự tôn trọng nhau dẫn đến đã ly thân từ tháng 5/2021 đến nay.

Ngoài ra, biên bản xác minh ngày 22/11/2021 tại địa phương thể hiện cơ bản phù hợp với phần trình bày của chị H về quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm ly thân. Từ đó cho thấy, thực trạng cuộc sống chung giữa vợ chồng chị H và anh Th không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn có sự quan tâm, chăm sóc, chia sẻ và thiếu tôn trọng nhau, hôn nhân thực tế không còn tồn tại là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Th.

- Về con chung: chị H và anh Th có 02 (hai) con chung là Đỗ Uyển N, sinh ngày 07/12/2013 và Đỗ Hoàng Ch, sinh ngày 13/7/2015.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: từ khi chị H về nhà mẹ đẻ ở Hải Hà thì con chung của chị H anh Th lúc ở với bố, lúc ở với mẹ. Cả hai cháu đều không học tại Quảng Nghĩa mà học tại Hải Hà.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H có quan điểm sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đỗ Uyển N, sinh ngày 07/12/2013 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao con chung Đỗ Hoàng Ch, sinh ngày 13/7/2015 cho anh Đỗ Văn Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 12/01/2022 của anh Th thể hiện cùng quan điểm với chị H. Hơn nữa, tại biên bản ghi ghi lời khai của con chung của chị H và anh Th đều phù hợp với đề nghị nuôi con của chị H và anh Th nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tuy nhiên, các đương sự có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; trên cơ sở lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: chị H trình bày không có nên không xét.
- Về khoản nợ chung: chị H trình bày không có nên không xét.

Do anh Th vắng mặt trong quá trình giải quyết nên trường hợp phát sinh tranh chấp về tài sản chung và khoản nợ chung thì được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: đây là vụ án dân sự sơ thẩm (ly hôn) không có giá ngạch, nên cần buộc nguyên đơn chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H về việc “tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn Th.

2. *Về con chung:* giao con chung Đỗ Uyên N, sinh ngày 07/12/2013 cho chị Phạm Thị H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, giao con chung Đỗ Hoàng Ch, sinh ngày 13/7/2015 cho anh Đỗ Văn Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; trên cơ sở lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. *Về nghĩa vụ chịu án phí:* buộc chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000730 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái. Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Qu, thành phố M;
- Chi cục THADS thành phố Móng Cái;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**  
(đã ký)

**Dương Thị Thu Hà**